

## BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG

### Phí Thường Niên

Thẻ Visa Vàng: Thẻ Chính: 500.000 VNĐ; Thẻ Phụ: 300.000 VNĐ

Thẻ Visa Chuẩn: Thẻ Chính: 300.000 VNĐ; Thẻ Phụ: 200.000 VNĐ

### Phí Ứng Tiền Mặt (cho mỗi giao dịch)

Tại máy ATM:

0% số tiền mặt ứng trước.

Giao dịch tại quầy của chi nhánh ngân hàng HSBC:

3% của số tiền mặt ứng trước, tối thiểu 75.000 VNĐ

### Khoản Thanh Toán Tối Thiểu

5% của số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 50.000 VNĐ), cộng với khoản nợ quá hạn hoặc khoản vượt hạn mức tín dụng.

### Lãi Suất

1,375% một tháng (Có hiệu lực từ ngày 21/11/2008).

Ngân hàng không tính lãi suất nếu tổng số dư nợ cuối kỳ được thanh toán trước thời hạn.

Nếu Chủ thẻ không thanh toán hết số dư nợ trước ngày lập bảng của tháng sau, lãi suất sẽ được tính cho đến khi số dư nợ cuối kỳ được thanh toán hết. Lãi suất sẽ được áp dụng đối với (a) mỗi khoản giao dịch nằm trong số dư nợ cuối kỳ và những giao dịch mới (không bao gồm những khoản tiền mặt ứng trước vì giao dịch này được tính theo một biểu phí dịch vụ khác) thực hiện bởi Chủ thẻ từ ngày lập bảng cuối cùng, tính từ ngày giao dịch được thực hiện và (b) các khoản khác nằm trong số dư nợ cuối kỳ tính từ ngày lập bảng cuối cùng.

Mỗi khoản tiền mặt ứng trước sẽ bị tính lãi suất tính từ ngày tiền mặt được ứng cho đến khi tất cả khoản nợ tiền mặt được thanh toán hết.

Lãi suất sẽ được cộng dồn hằng ngày

### Phí Chậm Thanh Toán

4% khoản nợ tối thiểu, thấp nhất là 50.000 VNĐ và tối đa là 100.000 VNĐ

### Phí Cấp Bản Sao Chi Tiết Tài Khoản (mỗi bản)

80.000 VNĐ

### Phí Vượt Hạn Mức Tín Dụng

80.000 VNĐ

### Phí Thất Lạc/Cấp Lại Thẻ

50.000 VNĐ

### Phí In Bản Sao Biên Nhận Giao Dịch (mỗi bản)

80.000 VNĐ

### Phí Thay Đổi Hạn Mức Tín Dụng

30.000 VNĐ

### Phí Khiếu Nại và Yêu Cầu Kiểm Tra

200.000 VNĐ trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ thẻ.

### Phí Chuyển Đổi Ngoại Tệ

1,75% số tiền trên mỗi giao dịch.